

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 15/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 22

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh, sanh về nước con, tự biết các việc thiện ác mà túc mạng đã làm trong vô lượng kiếp. Đều có thể nhìn thấu, nghe rõ, biết các việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương. Nếu không được như nguyện, con không thành Chánh giác.

Trước hết, chúng ta xem năm câu kinh văn đầu:

“Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh, sanh về nước con, tự biết các việc thiện ác mà túc mạng đã làm trong vô lượng kiếp.”

Đây là nguyện thứ sáu: nguyện có túc mạng thông.

Mỗi một người sanh đến thế giới Cực Lạc đều có thể tự mình biết được túc mạng của bản thân từ vô lượng kiếp trước. “Túc” là chỉ cho đời trước, chính là đời quá khứ, thường gọi là tiền kiếp. Biết được tất cả việc thiện, tất cả việc ác đã làm trong nhiều đời quá khứ, đây gọi là túc mạng thông. “Thông” là gọi tắt của “thần thông”, tức là ẩn sâu trong sự thần kỳ, hết thảy hành vi, người khác không thể nào nhận biết được, không thể đoán được, không thể lường được, nên gọi là “thần”. Không có chỗ ách tắc chằng chẽ thông, mà tự do hành động, không có chướng ngại, nên gọi là “thông”. Túc mạng, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, thần túc, lậu tận là lục thông.

Trong số đó, lậu tận thông thì chỉ có thánh nhân mới có, chỉ có thánh nhân mới có thể chứng đắc. Ngoại đạo dù tu đến đâu cũng chỉ có thể sanh đến trời Phi tướng phi phi tướng, không thể chứng lậu tận thông. Nếu chứng được lậu tận thì phần đoạn sanh tử, sự luân hồi trong lục đạo sẽ không còn, do vậy chỉ có bậc thánh

mới có thể chứng đắc. Năm loại thông trước, phàm phu cũng có, Tiểu thừa cũng có, thậm chí yêu ma quỷ quái cũng có. Bốn con vật lớn ở phương Bắc: chồn lông vàng, nhím, cáo và rắn. Chúng cũng có thể đạt được một chút tà thông bước đầu. Do vậy, Phật giáo không cho phép người tu hành phô trương thần thông. Bởi vì những thần thông này, yêu ma quỷ quái cũng có thể có. Chúng dùng thuật khoa trương lừa người, khoe mẽ mê hoặc quần chúng, phỉ báng pháp, gieo họa cho người, gây nguy hại nghiêm trọng. Do đó Phật pháp cấm phô trương thần thông. Nếu thật có thần thông thì thông thường chỉ hiển hiện một chút trước khi tịch diệt, không được phép phô trương.

Thần thông chỉ là chuyện vặt, bên rìa của thánh đạo. Nếu so với trí tuệ thì thần thông là thứ yếu của thứ yếu, thật sự không thể sánh bằng. Nếu không coi trọng trí tuệ mà chỉ coi trọng thần thông, đó là bỏ gốc lấy ngọn, lâu dần về sau chắc chắn sẽ rơi vào ma đạo. Xin hãy cảnh giác!

*Lạc vào ma đạo thật đáng thương
Mọi lúc phải nghe ma sai khiến
Tây Phương Tịnh độ hết phần bạn
Luân hồi sáu nẻo chịu đau đớn.*

Lậu tận là phải đoạn kiến hoặc và tư hoặc. Chúng Sơ quả phải đoạn kiến hoặc, kiến hoặc gồm: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, tham, sân, si, mạn, nghi. Tư hoặc gồm: tham, sân, si, mạn. Phải đoạn hết toàn bộ tham, sân, si, mạn của trời Sắc giới và Vô sắc giới mới chứng A-la-hán. Đây là chính là ra khỏi tam giới theo chiều dọc, con đường tu hành rất khó. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là ra khỏi tam giới theo chiều ngang, vì vậy gọi là đạo dễ hành. Người vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhờ nguyện lực Di-đà gia bị, vừa sanh đến thế giới Cực Lạc liền đầy đủ thần thông, lớn hơn nhiều so với thần thông mà phàm phu hay ngoại đạo đạt được, cũng lớn hơn nhiều so với thần thông mà chánh đạo Tiểu thừa đạt được. Sách Sự Tán nói: “Tam minh tự nhiên nhờ nguyện Phật, khoảnh khắc chấp tay đắc thần thông.” Nhờ hồng nguyện của Di-đà làm tăng thượng duyên, do vậy thần thông vượt hơn trường hợp thông thường.

So với Phật Bồ-tát, thần thông của Tiểu thừa có chín điểm khác biệt:

1. Rộng hẹp khác nhau.

Phạm vi khác nhau. Thiên nhãn, thiên nhĩ của Thanh văn có thể thông đạt đến hai ngàn cõi nước, Duyên giác là sáu ngàn cõi nước. Trong kinh này nói: Phật Bồ-tát đều có thể thông đạt ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, không biết hơn Tiểu thừa gấp bao nhiêu lần.

2. Nhiều ít khác nhau.

Thanh văn, Duyên giác của Tiểu thừa, một ý niệm của họ chỉ làm được một việc, không thể làm nhiều việc. Phật Bồ-tát có thể hóa hiện đến tất cả thế giới trong mười phương, cùng lúc và cùng một sát-na, có thể hiện các loại thân khác nhau: thân trời, thân tu-la, thân người, thân quỷ, thân súc sanh, đều có thể hóa hiện.

3. Lớn nhỏ khác nhau.

Nhị thừa khi hiện thân lớn không thể vào được không gian nhỏ, khi hiện thân nhỏ không thể chứa được vật lớn. Phật Bồ-tát khi hiện thân lớn có thể đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, có thể đưa thân thể lớn như vậy vào trong một vi trần, cũng có thể hiện thân nhỏ như vi trần mà dung nạp cả đại thiên thế giới.

4. Nhanh chậm khác nhau.

Thần túc thông của Nhị thừa cần một thời gian nhất định mới có thể đến được nơi xa. Phật Bồ-tát thì không như vậy, không cần thời gian, một niệm có thể đến mười phương thế giới.

5. Thực hư khác nhau.

Những gì mà A-la-hán của Nhị thừa hiện ra chỉ là tương tự, không có công dụng thực tế. Những gì mà Phật Bồ-tát hiện ra đều có công dụng thực tế.

6. Thứ được tạo ra khác nhau.

Những gì hàng Nhị thừa hiện ra không thể làm cho chúng có tâm. Phật Bồ-tát có thể hóa hiện vô lượng người, có thể làm cho mỗi người đều có tâm, mỗi người đều đi làm những việc khác nhau. Khiến người khác cảm thấy mỗi người đều giống như người thật, có tâm tư, có suy nghĩ, song Nhị thừa không làm được.

7. Hiện thân khác nhau.

Phật Bồ-tát chỉ hiện một thân, có thể khiến chúng sanh thấy đủ loại người khác nhau. Chỉ phát ra một âm thanh, nhưng có thể khiến mỗi người nghe thấy những

điều khác nhau, lại có thể an trụ một nơi nhưng hiện thân khắp mười phương, hàng Nhị thừa không làm được.

8. Tác dụng của sự chuyển hóa các căn khác nhau.

Bồ-tát có thể hoán đổi công năng của sáu căn thay cho nhau. Mắt, tai, mũi, v.v. đều có thể hoán đổi công năng thay cho nhau, nhưng hàng Nhị thừa thì không được.

9. Tự tại khác nhau

Trong kinh Niết-bàn nói: chư Phật Bồ-tát, trong mọi hành vi, thân tâm đều tự tại. Khi hiện thân lớn, tâm không theo đó mà lớn; khi hiện thân nhỏ, tâm cũng không nhỏ; hiện ra hình tướng vui, tâm cũng không vui; hiện ra hình tướng buồn, tâm cũng không buồn. Nhị thừa thì không thể. Thần thông mà Nhị thừa đạt được kém Đại thừa nhiều đến như vậy.

Sanh đến thế giới Cực Lạc, thứ đạt được là thần thông đặc biệt của Đại thừa, cộng với nguyên lực thù thắng của Di-đà, do vậy vượt xa trường hợp thông thường. Túc mạng thông thì tự mình biết được những việc thiện ác mà túc mạng đã làm trong vô lượng kiếp. Ví dụ, khi Thế Tôn còn tại thế, có một người đến xin xuất gia, các đại đệ tử quan sát thiện căn của người này, mãi đến tám vạn kiếp trước mà người này đều không trồng thiện căn. Do vậy từ chối, nói rằng: “Không được, ông đi đi, ông không có thiện căn, ông không thể xuất gia.” Người ấy bỏ đi, trên đường gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, ông nói với Phật mình muốn xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật đã thu nhận ông. Sau đó ông cũng đắc đạo.

Mọi người nói ông không có thiện căn, Phật nói: “Các ông không biết, tám vạn kiếp trước, ông ấy là tiểu phụ, có lần gặp phải hổ, ông trèo lên cây. Khi hổ đi rồi, ông thở phào nhẹ nhõm, nói một câu ‘Nam-mô Phật’.” Vì một niệm thiện căn này mà tám vạn kiếp sau, ông gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật và xuất gia, cuối cùng cũng đắc đạo. Do đó, thần thông của Phật không có hạn lượng, vượt xa tất cả A-la-hán.

Trong Hội Sớ nói: Túc mạng thông có thể biết được những việc mà túc mạng của chính mình và của chúng sanh lục đạo đã làm từ một đời, hai đời, ba đời, cho đến trăm ngàn vạn đời. Được thần thông này có lợi ích gì?

1. Không biết túc mạng thì sẽ không tiến đến điều thiện, không sợ điều ác, do vậy sẽ giải đãi. Bởi vì A-la-hán đã đắc thần thông, nên có thể nhớ sự khổ đã chịu trong địa ngục. Khi nhớ lại, sợ đến toát mồ hôi máu, họ biết được nỗi kinh hoàng, nên không dám làm việc ác nữa.

2. Biết túc mạng thì sẽ không tự cao tự đại. Bạn biết những công đức mà bạn đã hoàn thành trong quá khứ đều nhờ Phật gia bị. Chúng ta sở dĩ có thể vãng sanh không phải do công đức của mình đã đầy đủ, mà là nhờ vào thệ nguyện của A-di-đà Phật. Nếu bạn cộng tất cả hạnh nghiệp của mình trong nhiều đời lại, bạn sẽ thấy tội lỗi rất nhiều, mà công đức thì rất nhỏ bé yếu ớt, song ngày nay có được nhân duyên thù thắng này là hoàn toàn nhờ vào sức gia bị của Di-đà. Thế mới biết rằng toàn nương vào đức của Phật mới sanh tâm kính ngưỡng, cảm ân sâu sắc.

Mời xem năm câu kinh văn tiếp theo:

“Đều có thể nhìn thấu, nghe rõ, biết các việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương. Nếu không được như nguyện, con không thành Chánh giác.”

Đây là hai nguyện thứ bảy và thứ tám: nguyện có thiên nhãn thông và nguyện có thiên nhĩ thông.

“Thấu” là chỉ cho thấu suốt. “Nhìn thấu” là thấy rõ hoàn toàn. “Nghe rõ” là toàn bộ đều nghe rõ ràng triệt để. Nhìn thấy tất cả, nghe thấy tất cả, nên có thể “biết các việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương”. Vì sao gọi là thiên nhãn? Bởi vì đây là mắt mà người cõi trời có được, nó có thể nhìn thấy tất cả sắc xa, gần, thô, tế. Thứ quá vi tế, mắt thịt không nhìn thấy được, điều này là hiển nhiên. Những thứ quá lớn, mắt thịt cũng không thấy được.

Hoàng Niệm lão nêu một ví dụ: Bạch tháp ở Bắc Hải, Bắc Kinh. Ngài nói, nếu bạn lên Bạch tháp, bạn sẽ thấy một vòng tròn ở phía xa, lấy nơi bạn đang đứng làm tâm, lấy tầm nhìn làm bán kính, khu vực bạn nhìn thấy là một vòng tròn. Bên ngoài vòng tròn đó, rõ ràng là có, nhưng mắt không thể thấy. Do vậy, mắt người có rất nhiều chướng ngại. Hơn nữa, thiên nhãn thông còn gọi là sanh tử trí thông. Nó có thể biết được tướng sanh tử đến đi của chúng sanh, có thể biết chúng sanh sau khi chết sẽ đi về đâu.

Trong Đại Trí Độ nói: Phạm vi mà thiên nhãn có thể thấy là “cõi của mình” và “cõi dưới”. Ví dụ, một vị trời ở trời Dục giới, cõi của mình là trời Dục giới, cõi

dưới là người, a-tu-la, súc sanh, quỷ, địa ngục ở dưới trời Dục giới, họ đều có thể thấy. Còn trời Sắc giới, Vô sắc giới, cảnh giới của Phật Bồ-tát thì vượt hơn họ, họ không thể nhìn thấy. Thiên nhãn thông còn vượt xa hơn mắt thịt ở chỗ nó có thể nhìn xuyên thấu. Mắt thịt chỉ có thể thấy những thứ bên trong chướng ngại. Ví dụ, bức tường trước mặt là chướng ngại của chúng ta, chúng ta không thể thấy bên ngoài bức tường. Thiên nhãn thì khác, nó có thể nhìn xuyên qua bức tường, những gì bên ngoài chướng ngại cũng có thể thấy. Mọi hình sắc của thế xuất thế gian đều chẳng thể chướng ngại.

Lại so sánh thêm, Bồ-tát Long Thọ nói, Thanh văn của Tiểu thừa thông thường có thể nhìn thấy một ngàn thế giới, khi nhập định có thể thấy hai ngàn cõi nước. Thanh văn của Đại thừa thì thấy nhiều hơn một chút. Duyên giác lại thấy nhiều hơn một chút. Duyên giác của Đại thừa dù có nhập định hay không đều có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Chư Phật Bồ-tát có thể thấy sự vật ở vô lượng thế giới. Còn đối với nhân dân của thế giới Cực Lạc, bản dịch thời Tống nói: Tất cả đều đắc thiên nhãn thanh tịnh, họ có thể nhìn thấy sắc tướng thô tế trong trăm ngàn câu-chi na-do-tha thế giới. “Câu-chi” là triệu, “na-do-tha” là ức. “Ức” có thể là trăm ngàn, một triệu, mười triệu, trăm triệu, dù là con số nào, khi nhân với nhau sẽ là một con số vô cùng lớn. Trong kinh này nói nhìn thấu mười phương, cũng tức là có thể biết, có thể thấy vô lượng thế giới. Thiên nhãn thông mà người của thế giới Cực Lạc đạt được đều có thể nhìn thấu các việc quá khứ, hiện tại, vị lai của mười phương thế giới, đây chính là nhờ nguyện lực của Di-đà, vượt xa hơn thần thông đạt được do quả báo hoặc tu thiên định.

Nguyện có thiên nhãn thông trong biển nguyện Di-đà còn bao hàm diệu dụng khai sáng dẫn dắt nhân dân tu trì. Có đại đức đã nói rằng, có những chúng sanh không nhìn thấy quả khổ, nên họ không sợ gieo nhân khổ. Khi có thiên nhãn, biết được việc trong tương lai, biết các loại quả khổ, cho nên họ sợ hãi mà không tạo nhân khổ nữa. Đồng thời cũng nhìn thấy quả vui, nên sẽ tu nhân vui. Mắt thịt không thể thấy thứ bên ngoài chướng ngại, không thấy cái khổ của địa ngục, ngạ quỷ, không thấy cha mẹ, sư trưởng trong đời quá khứ của mình đang chịu mọi loại báo ứng bi thảm, nên không nghĩ đến việc cứu giúp, không chịu tinh tấn tu trì. Nếu đích thân nhìn thấy, nghe thấy, bạn còn nhẫn tâm hưởng lạc nữa hay không? Còn có thể tiếp tục giải đãi được không? Tự nhiên tâm chán lìa sẽ mãnh liệt, lòng báo ơn sẽ sâu sắc. Đây chính là ý nghĩa quan trọng của nguyện được thiên nhãn.

Lại nói sâu hơn một chút, thiên nhãn của nhân dân ở Cực Lạc không chỉ có thể soi rõ tướng đến và đi, sanh và tử của tất cả chúng sanh trong mười phương, mà còn có thể thấy khắp vô lượng cõi Phật nhiều như vi trần. Nhờ vậy, họ có thể phát tâm dùng pháp môn Tịnh độ đại viên mãn phổ độ để cứu độ chúng sanh, làm lợi lạc cho vạn vật, rộng khiến chúng sanh cùng được lợi ích chân thật. Đây mới là ý nghĩa thù thắng của nguyện này.

Nguyện thứ tám là nguyện có thiên nhĩ thông, nghe rõ toàn bộ các việc quá khứ hiện tại vị lai của mười phương. Thiên nhĩ thông có thể nghe được sự khổ vui lo mừng của chúng sanh lục đạo bên trong và bên ngoài chướng ngại, cho đến hết thủy ngôn ngữ và âm thanh thô tế xa gần. Thính lực của chúng ta rất có hạn, âm thanh nghe được chỉ nằm trong một dải tần số ngắn, từ vài chục Hz đến vài chục ngàn Hz. Sóng âm vài chục ngàn Hz trở lên gọi là sóng siêu âm, có nhiều tác dụng nhưng tai người không thể nghe được.

Ánh sáng mà mắt thịt nhìn thấy cũng chỉ là một đoạn, giữa ánh sáng đỏ và tím. Căn cứ vào bản dịch thời Ngụy nói, thiên nhĩ có thể nghe được pháp của trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật nói, đều có thể thọ trì. Trong bản dịch thời Đường nói, thiên nhĩ có thể nghe “sự thuyết pháp ở ngoài ức na-do-tha trăm ngàn do-thiện”. Do-thiện là chỉ cho do-tuần, xưa dịch là 40 dặm. Nhĩ thông của Cực Lạc không chỉ nghe được âm thanh thế gian, mà còn nghe khắp lời thuyết pháp của chư Phật, đây là chỗ cực thù thắng.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh, sanh về nước con, đều đắc tha tâm trí thông. Nếu đều không biết được tâm niệm của chúng sanh ở ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật thì không thành Chánh giác.

Đây là nguyện thứ chín: nguyện có tha tâm thông.

Phàm người sanh đến thế giới Cực Lạc đều có thể biết được suy nghĩ trong tâm của chúng sanh ở vô lượng vô biên cõi Phật.

Trong Hội Sớ nói: Thánh chúng của thế giới Cực Lạc không cần tu trì mà tự nhiên có thể biết được tình hình trong tâm người khác. Vì biết được tâm của họ niệm những gì, nghĩ những gì, ta mới có thể thuận theo ý họ mà tùy duyên tiếp dẫn. Trong lời nguyện, “ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật” là độ rộng của tha tâm thông. Còn

một vấn đề nữa là độ sâu. Ví dụ thời Đường, ở Ấn Độ, ngài Tam tạng Đại Nhĩ có tha tâm thông, sau khi ngài đến Trung Quốc, vua Đường đã mời quốc sư Nam Dương Huệ Trung đến để khảo nghiệm. Hai lần đầu, quốc sư khởi tướng trong tâm: thấy khỉ và thấy đua thuyền. Tam tạng Đại Nhĩ đều đoán đúng. Nhưng đến lần thứ ba, Tam tạng Đại Nhĩ trợn mắt cứng lưỡi, không biết nói gì. Quốc sư liền tát thẳng vào mặt Tam tạng Đại Nhĩ một cái và nói: “Ông là hồ ly tinh!”

Đây là một công án của Thiền tông, từ công án này có thể thấy, so với minh tâm kiến tánh, thần thông chẳng đáng là gì. Tha tâm thông thông thường cũng chỉ ở trình độ của ngài Đại Nhĩ. Đối với tâm cảnh của quốc sư thì không cách nào đoán biết được. Thế nhưng, thần thông của nhân dân Cực Lạc vượt hơn thường tình.

Trong phần chú thích bản dịch thời Ngụy của sách Chân Giải nói: Tha tâm trí của nhân dân Cực Lạc “thấp nhất là biết được tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước chư Phật”. Ngài cho rằng từ “thấp” trong câu này chỉ cho tâm niệm của chúng sanh, còn “cao hơn” thì có thể biết được tâm của chư Phật Bồ-tát. Nhị thừa chỉ có thể biết được tâm thô của phàm phu và Tiểu thừa, còn chư Phật Bồ-tát và Bồ-tát của Cực Lạc thì có thể biết được tâm Phật.

Thiền tông nói: “Môn này của ta thực không có một pháp nào để trao cho người.” Ngài không có một pháp nào để trao cho người, mà chỉ là tháo gỡ gút mắc trong tâm người, tháo dây gỡ nút cho người. Khi bạn bị dính mắc, ngài gỡ một cái, để bạn không dính mắc nữa. Bạn bị trói, tôi sẽ cởi nút thắt cho bạn. Nút thắt này là nút thắt trong tâm bạn. Trước tiên phải biết được tâm niệm của bạn, đồng thời lại biết nghĩa chân thật và pháp môn phương tiện của Như Lai thì mới có thể cởi nút thắt cho bạn. Nếu không biết tâm niệm của đối phương, làm sao có thể tháo gỡ gút mắc trong tâm họ? Điểm này rất quan trọng. Có người gặp đại đức rất nổi tiếng nhưng không khế hợp, bởi vì họ không biết tâm của đối phương, đôi bên không có cảm thông nên không thể hiểu nhau. Do vậy việc tiếp dẫn và giáo hóa họ sẽ rất khó khăn. Nếu hiểu rõ người học như lòng bàn tay thì có thể tùy bệnh cho thuốc, tùy căn cơ mà độ hóa. Thánh chúng của thế giới Cực Lạc có tha tâm thông cực rộng cực sâu, nên có thể giáo hóa nhiều phương.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh, sanh về nước con, đều đắc thần thông tự tại ba-la-mật-đa. Trong khoảng một niệm nếu không thể chu du khắp

hơn trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật để cúng dường chư Phật thì không thành Chánh giác.

Đây là nguyện thứ mười và mười một: nguyện có thần túc thông và nguyện cúng dường khắp chư Phật.

Trong đó, “chu du khắp” thể hiện nguyện thứ mười thần túc thông; “cúng dường chư Phật” thể hiện nguyện thứ mười một cúng dường khắp chư Phật. Thần túc thông còn gọi là thần túc trí thông, thần cảnh trí thông, như ý thông, thân thông v.v..

Trong Đại Luận nói, như ý thông có ba loại:

1. Có thể đến. Có bốn cách đến được [nơi mong muốn]:

Thứ nhất, có thể bay như chim.

Thứ hai, dời xa thành gần. Dời cái xa đến chỗ gần. Thuyết tương đối của Einstein cũng có cách nói này, khi tốc độ của bạn cực nhanh, gần với tốc độ ánh sáng, khoảng cách không gian cũng sẽ rút ngắn lại.

Thứ ba, có thể biến mất ở nơi này và xuất hiện ở nơi kia. Vừa biến mất ở bên này thì đã xuất hiện ở bên đó.

Thứ tư, một niệm có thể đến. Trong một ý niệm là đến nơi, vừa khởi niệm liền đến.

2. Biến đổi: lớn có thể biến thành nhỏ, nhỏ có thể biến thành lớn; một có thể biến thành nhiều, nhiều có thể biến thành một. Có thể làm cho mọi thứ biến đổi. Sự biến đổi của ngoại đạo thông thường không kéo dài quá bảy ngày. Trong truyền thuyết trước đây, có người đến chỗ thần tiên để học thuật luyện vàng. Khi biết được 500 năm sau vàng sẽ không còn tồn tại, người này nói: “Pháp thuật này của ngài, tôi không học, học rồi sẽ khiến người 500 năm sau gặp tai ương, thà rằng tôi không học.” Sư phụ của người đó nói với họ: “Một niệm này của ông đã viên mãn 3.000 công đức.” Có thể thấy, sự biến đổi của ngoại đạo không thể vĩnh viễn.

3. Thánh như ý: trong sáu trần gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc, những thứ không đáng yêu, không trong sạch, có thể làm cho chúng trở nên trong sạch, quán thành những thứ đáng yêu và thanh tịnh. Ngược lại, cũng có thể khiến những thứ

đáng yêu, trong sạch quán thành những thứ không trong sạch. Loại thánh như ý này chỉ Phật mới có.

“Thần thông tự tại.” Người sanh đến Cực Lạc đều đầy đủ thần túc thông, hiển hiện tự tại, không có chướng ngại.

“Ba-la-mật-đa” là đến bờ kia. Vì có thể triệt để quán triệt mọi việc tự hành và hóa tha, có thể cùng chúng sanh từ bờ sanh tử bên này đạt đến bờ niết-bàn rốt ráo bên kia, do vậy gọi là ba-la-mật-đa.

“Trong khoảng một niệm.” Thời gian của một niệm đã được nói trước đó, chỉ là 1/60 của một cái búng tay, tức là một sát-na. Trong một khoảnh khắc cực ngắn của một niệm có thể chu du khắp ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, hơn nữa còn cúng dường chư Phật. Diệu dụng của thần thông này là không thể nghĩ bàn.

“Chu du khắp” biểu hiện cõi nước mà họ đến hết sức nhiều và rộng.

“Cúng dường chư Phật”, những việc cần làm nhiều vô cùng, song tất cả đều được hoàn thành trong vòng 1/60 của một cái búng tay. Điều này hoàn toàn thể hiện cảnh giới “sự sự vô ngại” kéo dài và rút ngắn đồng thời của thế giới Cực Lạc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh, sanh đến nước con, xa lìa phân biệt, các căn tịch tĩnh. Nếu không nhất định thành Đẳng chánh giác, chứng đại niết-bàn, con không thành Chánh giác.

Đây là nguyện thứ mười hai: nguyện nhất định thành Chánh giác.

Khi con thành Phật, hết thấy mọi chúng sanh, sanh đến nước Cực Lạc của con, đều xa lìa hết thấy tâm phân biệt, sáu căn đều vắng lặng an tĩnh. Nếu có người nào không thể nhất định thành Phật chứng nhập đại niết-bàn thì con quyết không thành Phật.

Nguyện này nói rằng, người vãng sanh nhất định thành Phật, thể hiện bản tâm của Di-đà chính là Nhất Phật thừa. Do đó Phật nói trong kinh Pháp Hoa: Thanh văn, Duyên giác là hóa thành; không có Nhị thừa, Tam thừa, chỉ có Nhất Phật thừa. Khi Phật nói kinh Pháp Hoa, trong số các đại đệ tử đã theo Phật mấy mươi năm, có 5.000 người đã lui ra, không thể tiếp nhận. Thích-ca Mâu-ni Phật nói: “Lui ra cũng tốt”,

không giữ họ lại. Thế giới Cực Lạc chính là tất cả đều thành Phật, đây là nơi đến của Đại thừa, Nhị thừa không thể vắng sanh.

Đại sư Thiện Đạo đã đặt bốn tên cho nguyện này:

Thứ nhất, nguyện ắt đạt đến diệt độ.

Thứ hai, nguyện chứng đại niết-bàn. A-la-hán là tiểu niết-bàn.

Thứ ba, nguyện vô thượng niết-bàn.

Thứ tư, nguyện trụ tướng chứng quả.

Bởi vì tu pháp môn Tịnh độ, quán Phật cũng được, niệm Phật cũng được, mọi người đều cho rằng quán thì có sắc tướng, niệm thì có âm thanh, đều là có tướng, phải lìa tướng mới có thể chứng quả. Nhưng đại sư Thiện Đạo nói, đây là nguyện trụ tướng chứng quả. Trụ vào tướng vẫn có thể chứng quả, cách nói này rất thù thắng.

Về Mật tông, đây là tinh thần của Thủ-lăng-nghiêm. Thủ-lăng-nghiêm là “hết thấy sự đều rất ráo kiên cố”, tất cả đều hiển bày pháp thân, âm thanh và sắc tướng đều là thật tướng. Bạn trụ vào tướng chính là trụ vào thật tướng, cho nên là trụ tướng chứng quả.

Điều này hoàn toàn nhất quán với quan điểm của đại sư Thiện Đạo. Đại sư Thiện Đạo còn nói, người tu Tịnh độ không cần vội lìa tướng, chỉ cần nương vào tướng mà chuyên nhất thì nhất định vắng sanh. Do vậy, pháp môn niệm Phật không yêu cầu bạn phải lìa tướng, bạn không cần bận tâm đến việc lìa tướng hay không lìa tướng, chỉ cần thật thà niệm, đều có thể vắng sanh. Đây quả là khai thị vô thượng.

Trong sách Chân Giải nói: Cao tổ có thể triệt để làm sáng tỏ nghĩa chân thật của lời nguyện. (Người Nhật tôn kính đại sư Thiện Đạo tột cùng, gọi ngài là Cao tổ).

Tên nguyện trong kinh này là “nguyện thành Chánh giác”, điều này tương đồng với đại sư Thiện Đạo. Trong 48 nguyện, đại sư Thiện Đạo đặc biệt chọn ra năm nguyện, gọi là nguyện chân thật. Năm nguyện đó là:

Nhất định thành Chánh giác, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, chư Phật xưng tán, mười niệm ắt sanh.

Năm nguyện này là nguyện chân thật trong 48 nguyện, cũng chính là cốt lõi và trọng tâm của 48 nguyện, cũng chính là tinh túy của hồng nguyện Di-đà, là bản

tâm của Di-đà. Chúng ta phải nương vào con đường đơn giản nhất, dễ dàng nhất, viên dung nhất và nhanh chóng nhất này mà niệm Phật vắng sanh.

“Xa lìa phân biệt, các căn tịch tĩnh.” Phân biệt là nhận biết hết thấy sự, hết thấy lý, đủ loại khác nhau. Nó lấy phân biệt hư vọng làm bản thể. Thức thứ sáu chính là thức phân biệt. Vốn dĩ là bình đẳng, vốn dĩ là không hai, nhưng trong đó lại sanh ra đủ loại khác biệt. Phân biệt thành ta, người, đúng, sai, nên gọi là “phân biệt hoặc.” Đoạn được hoặc này sẽ trở thành “vô phân biệt trí”, nhân đó thức thứ sáu sẽ trở thành “diệu quan sát trí”. “Xa lìa phân biệt” trong lời nguyện chính là lìa bỏ vọng hoặc của phân biệt. Hiểu rõ “vạn pháp là một”, chân như chính là vạn pháp, vạn pháp chính là chân như. “Các căn tịch tĩnh” là sáu căn đều tịch tĩnh. “Tịch” là vắng lặng, rời khỏi phiền não thì gọi là tịch. “Tĩnh” là an tĩnh, dứt trừ khổ hoạn thì gọi là tĩnh.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Khi bạn đang quán tu pháp tịch tĩnh, bạn liền rời khỏi ngu muội và tăm tối. Bốn chữ “Thích-ca Mâu-ni” là tịch mặc, nhân từ. “Mâu-ni” chính vắng lặng, nghĩa là tịch tĩnh. Thân, khẩu, ý đều tịch tĩnh, gọi là Mâu-ni. Thân, khẩu, ý đại diện cho sáu căn. Thân, khẩu, ý tịch tĩnh chính là “các căn tịch tĩnh” trong kinh, cũng chính là bản tánh của niết-bàn.

Do đã xa lìa vọng hoặc của phân biệt, nên các căn mắt, tai, mũi, lưỡi v.v. cũng đều tịch tĩnh, tương ưng với lý thể thực tế của niết-bàn. “Nhất định thành Đẳng chánh giác” chính là nhất định thành Phật. “Chứng đại niết-bàn”, “niết-bàn” có thể phiên dịch thành “viên tịch”. “Không đức nào chẳng đủ gọi là viên, không chương nào chẳng diệt gọi là tịch.” Hết thấy diệu đức đều tròn đầy, mọi chương ngại đều tiêu trừ. “Đại niết-bàn” là chỉ niết-bàn của Đại thừa.

Niết-bàn của Đại thừa và Tiểu thừa có bốn phương diện khác biệt:

1. Ba đức của niết-bàn

Đức pháp thân, đức bát-nhã, đức giải thoát. Niết-bàn của Đại thừa có thể chứng cả ba đức này. Tiểu thừa chỉ chứng được đức giải thoát. Họ đã giải thoát, nhưng chưa chứng được pháp thân, cũng không có trí tuệ bát-nhã. Trong ba đức, họ chỉ có một đức.

2. Thường lạc ngã tịnh

Bồ-tát đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh. Niết-bàn của Nhị thừa chỉ có thường, lạc, tịnh. Họ chưa thấy được chân ngã của pháp thân. “Ngã” trong “thường, lạc, ngã,

tịnh” là chỉ cho chân ngã, không phải là “ngã” trong “ngã tướng” mà kinh Kim Cang nói.

3. Hai loại sanh tử

Phân đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Đại niết-bàn thì hai loại sanh tử này đều đã đoạn, đều đã rời khỏi. Còn tiểu niết-bàn thì họ chỉ rời khỏi phần đoạn sanh tử. Sanh tử trong lục đạo luân hồi đã đoạn, nhưng họ vẫn còn biến dịch sanh tử, vẫn phải phát tâm đại bồ-đề, vẫn phải trải qua 42 vị thứ để lên địa vị Diệu giác. Mỗi một vị thứ đều là một lần biến dịch, cũng là chính là sanh tử.

4. Thân và trí

Đại niết-bàn có thân và trí vô biên. Tiểu niết-bàn thì đốt thân thành tro, dứt bất tâm trí. Vì vậy đại niết-bàn và tiểu niết-bàn khác nhau.

Có người nói, Thích-ca Mâu-ni Phật cũng là hữu dư niết-bàn. Cách nói này không đúng. Phàm người vãng sanh tương lai đều chứng đại niết-bàn, sao có thể nói Thế Tôn là hữu dư niết-bàn? Về một số cách nói, cho dù người nói có nổi tiếng đến đâu, chúng ta nhất định phải lấy lời dạy của bậc thánh làm tiêu chuẩn, đừng hiếu kỳ tham cái mới lạ. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.